TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày: 18-01-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đào Văn Hoàn và bà Trần Thị Khanh;

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Hoàng Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2021/TLST-KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc: tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2021; Thông báo sửa chữa bổ sung quyết định số 05/2021/TB-TA ngày 20-12-2021; Quyết định hoãn phiên toà số 01/2022/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH O ; trụ sở chính: Khu công nghiệp K phường KQ, thành phố V, tỉnh VP

Người đại diện theo pháp luật: ông M -Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Lan H - Kế toán trưởng; địa chỉ: Khu công nghiệp K, phường KQ, thành phố V, tỉnh VP*(theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 10 năm 2021*).

Bị đơn: Công ty TNHH L; Trụ sở: Nhà xưởng G3, Khu công nghiệp Đ, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD;

Người đại diện theo pháp luật: ông K – chức vụ: Giám đốc; địa chỉ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Chung cư H, đường NL, phường TB, thành phố HD, tỉnh HD.

(Tại phiên toà có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, Nguyên đơn trình bầy: từ năm 2018 đến năm 2020, Công ty TNHH O (viết tắt là Công ty O) và Công ty TNHH L(viết tắt là Công ty L) ký các Hợp đồng mua bán hàng hoá, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số 2303/2018/ORC-ILS ngày 23-3-2018 về việc Công ty O cung cấp hóa chất cho Công ty L phục vụ hoạt động sản xuất;

+ Hợp đồng số 0107/2018/ORC-ILS ngày 01-7-2018 về việc Công ty O đảm nhiệm vận hành thiết bị mạ đồng trong xưởng của Công ty L tại Hải Dương;

+ Hợp đồng nguyên tắc số 0101/ORC-ILS ngày 01-01-2020 về việc Công ty O nhận gia công các bản mạch FPCB của bộ mạch in điện tử.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, Công ty O đã giao đầy đủ hoá chất, thực hiện vận hành và gia công hàng hoá theo yêu cầu của Công ty L. Việc giao nhận hàng tại nhà xưởng của Công ty L, được thể hiện bằng các hoá đơn giá trị gia tăng (ghi rõ số lượng, giá trị hàng hoá); thanh toán chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng. Tổng giá trị hàng và tiền gia công hàng hoá mà Công ty O đã cung cấp cho Công ty L từ ngày 31-7-2018 đến ngày 20-11-2020 là 61.627.229.725đ. Đến ngày 07-9-2020, Công ty L mới thanh toán cho Công ty O 49.095.971.533đ. Tại Biên bản về việc xác nhận công nợ số 30112020/ORC-ILS ngày 30-11-2020, Người đại diện theo pháp luật của Công ty L đã xác nhận Công ty L còn nợ Công ty O 12.531.258.192đ. Công ty O nhiều lần đôn đốc bằng văn bản nhưng Công ty L vẫn trốn tránh trả nợ. Công ty O khởi kiện yêu cầu Công ty L phải trả Công ty O số tiền 12.531.258.192đ; không yêu cầu tiền lãi.

Chứng cứ do Nguyên đơn giao nộp: các hoá đơn ngày 31/07/2018; 31/08/2018; 29/09/2018; 31/10/2018; 30/11/2018; 28/12/2018; 31/01/2019 ; 28/02/2019; 31/03/2019; 29/04/2019; 31/05/2019; 30/06/2019; 31/07/2019; 31/08/2019; 30/09/2019; 30/11/2019; 31/10/2019; 31/12/2019; 31/08/2020; 17/11/2020; 20/11/2020; Thanh toán tiền các ngày 26/10/2018; 08/11/2018; 26/11/2018; 04/12/2018; 04/12/2018; 03/01/2019; 08/01/2019; 16/01/2019; 29/01/2019; 15/02/2019; 05/03/2019; 05/04/2019; 11/04/2019; 17/04/2019; 06/05/2019; 19/06/2019; 01/07/2019; 08/07/2019; 16/07/2019; 07/08/2019; 16/08/2019; 20/08/2019; 06/09/2019; 13/09/2019; 21/10/2019; 22/10/2019; 03/12/2019; 03/12/2019; 07/01/2020; 30/03/2020; 10/04/2020; 05/05/2020; 01/06/2020; 01/07/2020; 07/07/2020; 03/08/2020; 10/08/2020; 07/09/2020.

Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập lần thứ nhất của Toà án, Người đại diện theo pháp luật của Công ty L là Giám đốc K có văn bản xin tạm hoãn thời gian triệu tập sang thời gian khác. Tiếp sau đó Toà án đã giao cho Công ty L biên bản xác nhận công nợ ngày 30-11-2020 và Thông báo quan điểm của Nguyên đơn; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; đồng thời nhiều lần triệu tập; Công ty L không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa: Công ty L là bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn là Công ty L và Người đại diện của Công ty thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là Công ty O thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55 Luật Thương mại; Điều 117, Điều 401, Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty O, buộc Công ty L phải trả cho Công ty O số tiền nợ là 12.531.258.192đ. Về án phí: Công ty L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đương sự, Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Công ty TNHH O khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH L phải trả Công ty TNHH O 12.531.258.192đ tiền nợ từ các Hợp đồng cung cấp hóa chất, hợp đồng ủy thác vận hành và hợp đồng nguyên tắc; đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa 2 tổ chức có đăng ký hoạt động doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam và đều có mục đích lợi nhuận. Công ty TNHH L có trụ sở tại khu công nghiệp Đại An mở rộng, thuộc địa phận thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

[1.2] Thời hiệu khởi kiện: kể từ ngày 30-11-2020, hai bên chốt công nợ của 3 hợp đồng; Công ty O đã nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty L không trả nợ, nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên ngày 18-10-2021 Công ty O nộp đơn khởi kiện trực tiếp tại tòa án. Đối chiếu Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì thời hiệu khởi kiện của Công ty O được tính từ sau ngày 30-11-2020; theo giấy xác

nhận đã nhận đơn khởi kiện số 09 ngày 18-10-2021 của Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng thì yêu cầu khởi kiện của Công ty O còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Công ty L là bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã giao hợp lệ Thông báo quan điểm của nguyên đơn và Biên bản xác nhận công nợ ngày 30-11-2020 nhưng phía Công ty L vẫn không có văn bản hay bất cứ tài liệu nào thể hiện quan điểm về việc ký kết và thực hiện ba hợp đồng (Hợp đồng cung cấp hóa chất; Hợp đồng ủy thác vận hành và Hợp đồng nguyên tắc). Công ty O đã thực hiện nghĩa vụ cung cấp các tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, do vậy HĐXX sẽ xem xét giải quyết vụ án trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[2.2]. Đánh giá về các hợp đồng kinh tế và quá trình thực hiện: Hợp đồng cung cấp hóa chất số 2303/2018/ORC-ILS ngày 23-3-2018; Hợp đồng ủy thác vận hành thiết bị mạ đồng số 0107/2018/ORC-ILS ngày 01-7-2018 và Hợp đồng nguyên tắc số 0101/ORC-ILS ngày 01-01-2020, là sự thỏa thuận giữa Công ty O và Công ty L về cung cấp hàng hóa, gia công bản mạch và vận hành thiết bị mạ đồng tại xưởng của Công ty L; được ký kết bởi Người đại diện hợp pháp của hai Công ty; là hoạt động thương mại giữa các bên thông qua hợp đồng kinh tế, trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm giao kết, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa của các bên trong hợp đồng kể từ ngày ký.

[2.3]. *Xét việc Công ty O yêu cầu Công ty L phải thanh toán 12.531.258.192đ tiền nợ mua hoá chất, gia công bản mạch và vận hành thiết bị*: Đối chiếu điều khoản trong các hợp đồng nêu trên và quá trình thực hiện các hợp đồng của hai Công ty thì Công ty O đã thực hiện giao đủ hoá chất theo thỏa thuận tại nhà xưởng của Công ty L, có hoá đơn giá trị gia tăng (ghi rõ số lượng, giá trị hàng hoá); đã đảm nhiệm vận hành thiết bị mạ đồng trong xưởng của Công ty L tại Hải Dương và gia công các bản mạch điện tử theo yêu cầu của Công ty L. Hai bên đã cùng nhau xác nhận tổng giá trị hàng và tiền gia công hàng hoá mà Công ty O đã cung cấp cho Công ty L từ ngày 31-7-2018 đến ngày 20-11-2020 là 61.627.229.725đ. Thực tế, Công ty L đã thanh toán chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng cho Công ty O tính đến ngày 07-9-2020 là 49.095.971.533đ. Tại Biên bản về việc xác nhận công nợ số 30112020/ORC-ILS ngày 30-11-2020; Người đại diện theo pháp luật của Công ty L

đã xác nhận Công ty L còn nợ Công ty O 12.531.258.192đ. Sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo quan điểm của Nguyên đơn và Biên bản về việc xác nhận công nợ số 30112020/ORC-ILS ngày 30-11-2020; Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Người đại diện theo pháp luật của Công ty L không đưa ra quan điểm giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, nhưng Công ty L không có phản đối gì về nội dung, con dấu và chữ ký tại biên bản xác nhận công nợ ngày 30-11-2020 được xác lập giữa Người đại diện hợp pháp của hai Công ty và không có yêu cầu phản tố; sự im lặng của Công ty Ilshin chính là thừa nhận công nợ chưa trả. Như vậy, Công ty L đã vi phạm thời hạn thanh toán trong các hợp đồng và tại Điều 55 luật thương mại. Công ty O khởi kiện yêu cầu Công ty L phải trả 12.531.258.192 VNĐ là có căn cứ; HĐXX chấp nhận.

[2.4]. Xét việc Công ty O không yêu cầu Công ty L phải trả tiền lãi đối với số nợ gốc là tự nguyện, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của Công ty O được chấp nhận, Công ty L phải chịu tiền án phí là 112.000.000đ + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 4.000.000.000đ (là 8. 531.258.192đ) = 120.531.258đ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ áp dụng Điều 55 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 357; Điều 429 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH O.

Buộc Công ty TNHH L phải trả cho Công ty TNHH O số tiền 12.531.258.192 đồng (*mười hai tỷ, năm trăm ba mươi mốt triệu, hai trăm lăm mươi tám nghìn, một trăm chín mươi hai đồng Việt Nam*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền tiền trên mà người phải thi hành chậm thi hành thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Công ty TNHH L phải chịu 120.531.258đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH O 65.000.000đ (*sáu mươi lăm triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2020/0002027 ngày 18-10-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (do bà Nguyễn Thị Lan H nộp thay).

3. Quyền kháng cáo: Công ty TNHH O có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS H. Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đoàn Thị Thúy